

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HTN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 20/04/2022

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTN, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương

2. Ông Dương Hồng Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, cán bộ
Tòa án nhân dân huyện HTN - tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN - tỉnh Bình Thuận tham gia
phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ry, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm
Thuận Nam, Tòa án nhân dân huyện HTN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý
số: 118/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 06/2022/QĐST-DS ngày 16/03/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số
08/2022/QĐHPT ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị T - sinh năm: 1965 (*có mặt*);

Địa chỉ: thôn HN, xã TT, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc T - sinh năm: 1959 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Xóm 4, thôn HP, xã TT, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn M - sinh năm: 1955 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Xóm 4, thôn HP, xã TT, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần
Thị T trình bày:***

Do có quen biết là hàng xóm với nhau vào năm 2018 bà có tham gia chơi huê do bà Đặng Thị Ngọc T làm chủ. Huê mở vào ngày 25/7/2018, mỗi đầu huê đóng 5.000.000 đồng/tháng. Tháng đầu tiên sẽ đóng cho thủ là bà T, đến 25/8/2018 huê bắt đầu sổ, gồm 20 đầu huê, mãng vào ngày 25/3/2020, số tiền hốt chót sẽ là 100.000.000 đồng bà tham gia chơi 02 đầu huê. Đóng từ tháng đầu tiên đến tháng thứ 15 thì huê bể. Bà chưa hốt được bất cứ số tiền nào. Bà và bà T hai bên có chốt lại với nhau số tiền bà T còn thiếu bà là 150.000.000 đồng. Đến ngày 21/6/2021, bà T có làm giấy cam kết thừa nhận còn nợ bà số tiền 150.000.000 đồng và hứa trả 1.000.000 đồng/tháng nhưng từ khi ký cam kết bà T không trả cho bà bất kỳ số tiền nào dù bà yêu cầu nhiều lần trả nợ.

Bà thừa nhận trong thời gian bể huê đến khi hai bên làm giấy cam kết nhận nợ thì bà T có trả được cho bà số tiền 15.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc T trả cho bà số tiền còn nợ là 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi năm triệu đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai và phiên hòa giải bị đơn bà Đặng Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2018 tôi (Đặng Thị Ngọc T) có đứng ra làm thủ để chơi huê. Đây huê có 20 người chơi, số tiền huê là 5.000.000 đồng/tháng. Người hốt chót sẽ nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Huê mở vào 25/7/2018 tháng đầu tiên sẽ đóng cho thủ là tôi. Ngày 25 hàng tháng tiếp theo sẽ bắt đầu sổ huê đến ngày 25/3/2020 sẽ mãng huê. Trong quá trình chơi đến tháng thứ 15 thì huê bị bể. Trong số người chơi có bà T chơi 2 đầu và đến khi huê bể bà T vẫn chưa hốt đầu nào. Khi huê bể tôi và bà T có chốt lại số nợ 150.000.000 đồng. Tôi có làm giấy cam kết nhận nợ vào ngày 21/6/2021 và hẹn trả hàng tháng cho bà T số tiền 1.000.000 đồng/tháng nhưng do tình hình kinh tế khó khăn nên tôi không có khả năng trả nợ cho bà T. Trong thời gian từ lúc bể huê tới khi viết giấy cam kết thì tôi có trả được cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Nên hiện nay, tôi còn nợ lại bà T số tiền 135.000.000 đồng. Tôi thừa nhận còn nợ bà T số tiền trên và xin trả dần cho bà T 1 tháng 2.000.000 đồng.

Số tiền chơi huê có được tôi đã dùng vào việc chi tiêu cá nhân của tôi, không dùng vào việc gia đình. Việc chơi huê hụi do tôi tự làm tự chịu chứ chồng tôi là ông Nguyễn Văn M không biết gì về việc này, không liên quan tới chồng tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M. Nhưng ông

M không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa của người tham gia tố tụng kể từ thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đặng Thị Ngọc T phải trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ là 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi năm triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện HTN đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự không bị khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Bà Trần Thị T yêu cầu giải quyết tranh nghĩa vụ trả tiền với bà Đặng Thị Ngọc T có địa chỉ tại thôn HN, xã TT, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HTN đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] **Về xét xử vắng mặt:** Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST-DS ngày 16/03/2022 vụ án sẽ được xét xử vào ngày 04/04/2022, tuy nhiên mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn bà Đặng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M vắng mặt, không có lý do. Căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[4] **Về yêu cầu trả tiền:** Xét yêu cầu của bà Trần Thị T yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc T trả tiền còn thiếu. Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa bà T và bà T có tham gia chơi huê hụi chung với nhau đây huê do bà T làm thủ. Trong quá trình chơi đây huê bị bể. Sau khi huê bị bể hai bên có chốt lại số tiền bà T còn nợ bà T cụ thể là 150.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy cam kết hẹn nợ vào ngày 21/6/2021 và có chữ ký xác nhận của hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên có thừa nhận việc này, bà T và bà T đều thừa nhận bà Tú có trả được cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Nên số tiền bà T còn nợ lại của bà T là 135.000.000 đồng.

Do đó căn cứ Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc T trả số tiền còn nợ là 135.000.000 đồng.

[5] **Về trách nhiệm liên đới:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2021 và tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị T khai việc đóng tiền huê hàng tháng bà mang tiền đến chợ Cầu Treo (chợ xã) nằm giữa nhà bà và nhà bà T, sau đó bà T điện thoại cho bà T đến lấy. Bà trực tiếp đưa tiền cho bà Đặng Thị Ngọc T, chồng bà T có biết hay không thì bà không rõ. Số tiền bà T có được từ chơi huê bà T không biết bà T dùng vào việc chi tiêu trong gia đình hay vào việc cá nhân. Hơn nữa trong biên bản lấy lời khai và phiên hòa giải bà Đặng Thị Ngọc T đều khẳng định việc bà chơi huê thì chồng bà là ông Nguyễn Văn M không biết, bà sử dụng tiền chơi huê có được vào mục đích cá nhân của mình. Do đó, không có căn cứ buộc ông Nguyễn Văn M phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ 135.000.000 đồng cho và Trương Thị T.

[6] Yêu cầu trả từng tháng: Bà T có yêu cầu trả dần hàng tháng số nợ trên 2.000.000 đồng/tháng, yêu cầu này nguyên đơn bà Trần Thị T không đồng ý. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] **Về án phí:** Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T.

Buộc bà Đặng Thị Ngọc T có trách nhiệm phải trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ là 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thi hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

+ Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000363 ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HTN.

+ Bà Đặng Thị Ngọc T phải chịu 6.750.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2022). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện HTN;
- Chi cục THA dân sự huyện HTN;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tân